

**CÔNG TY TNHH DƯỢC MEGA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DƯỢC MEGA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MEGA PHARMACEUTICAL VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MEGA PHARMA VN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109498859

**3. Ngày thành lập:** 18/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 09, Ngõ 3c, Tổ 19, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0938.783.032

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                                   | 2011     |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp                                                                         | 2029     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                | 3250     |
| 4.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                            | 4751     |
| 5.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                      | 1312     |
| 6.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                    | 1313     |
| 7.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                    | 1391     |
| 8.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                     | 1392     |
| 9.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                     | 1399     |
| 10. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                   | 4782     |
| 11. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                       | 1430     |
| 12. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng;<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. | 4632     |
| 13. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm liên quan đến bảo vệ sức khỏe như viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén sủi, viên nang cứng, cốm, cốm sủi, bột.                | 3290     |

|     |                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                  | 4641        |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>- Mua bán trang thiết bị y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.               | 4649(Chính) |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác;<br>- Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.  | 4933        |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                | 7710        |
| 18. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                         | 1062        |
| 19. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                         | 1071        |
| 20. | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                        | 1072        |
| 21. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                   | 1073        |
| 22. | Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                          | 1074        |
| 23. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                 | 1075        |
| 24. | Sản xuất chè                                                                                                                                                                                          | 1076        |
| 25. | Sản xuất cà phê                                                                                                                                                                                       | 1077        |
| 26. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất chất chiết ra từ thịt; súp và các chất để nấu súp, các chất để nấu canh; ngũ cốc, bột và các sản phẩm làm từ ngũ cốc             | 1079        |
| 27. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                               | 1104        |
| 28. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                        | 1410        |
| 29. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất khăn ăn, khăn hộp, khăn bỏ túi, giấy cuộn vệ sinh, khăn giấy ướt                                               | 1709        |
| 30. | In ấn                                                                                                                                                                                                 | 1811        |
| 31. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su<br>Chi tiết: Sản xuất dây thun                                                                                                                                       | 2219        |
| 32. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                | 2023        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. | 8299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Đại lý giao nhận hàng hóa (Không bao gồm dịch vụ bưu chính);<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Logistics;<br>- Trông giữ ô tô, xe máy;<br>- Hoạt động của đại lý bán vé máy bay. | 5229 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐOÀN THỊ BÍCH VÂN Giới tính: Nữ  
 Chức danh: *Tổng giám đốc*  
 Sinh ngày: 02/09/1978 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
 Số giấy chứng thực cá nhân: 060178000289  
 Ngày cấp: 17/08/2020 Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *114/67 Đường số 18, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*  
 Chỗ ở hiện tại: *114/67 Đường số 18, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội